

# Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Quyển 4

Lúc bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử đang ở giữa đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo lộ vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính và bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là bậc đại uy đức và khéo diễn giải Đệ Nhất Nghĩa Đế của Như Lai cho chúng sanh. Trong số người thuyết Pháp, Thế Tôn thường ngợi khen con là đệ nhất. Nhưng nay khi nghe Pháp âm vi diệu của Như Lai, con giống như kẻ mù muốn nghe tiếng con muỗi ở khoảng cách hơn một trăm bước. Kẻ đó vốn còn chẳng thấy con muỗi, huống nữa là nghe được tiếng của nó.

Tuy Phật đã giải thích rõ ràng để diệt trừ hoài nghi của con, nhưng hiện tại con vẫn chưa hiểu rõ tường tận nghĩa này để dứt sạch mọi hoài nghi.

Bạch Thế Tôn! Mặc dù Bhikṣu Khánh Hỷ và những vị khác đã khai ngộ nhưng tập lậu chưa trừ. Riêng con và những vị vô lậu khác ở trong chúng hội đã tận trừ các lậu. Tuy nhiên khi nghe lời Pháp âm của Như Lai hôm nay, con vẫn còn sự khúc mắc và hoài nghi.

Bạch Thế Tôn! Nếu thật sự tất cả căn và trần trong thế gian, cùng với uẩn xứ giới đều từ Như Lai tạng và bốn nguyên thanh tịnh, thế thì tại sao hốt nhiên sanh ra sơn hà đại địa và tất cả tướng hữu vi? Chúng tuần tự biến đổi, khi vừa kết thúc rồi lại bắt đầu.

Như Lai cũng nói rằng bốn tánh của đất nước gió lửa hoàn toàn dung hòa lẫn nhau. Chúng trùm khắp Pháp giới và trạm nhiên thường trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu yếu tố của đất biển khắp, vậy thì làm sao nó cùng chung với nước? Và nếu yếu tố của nước biển khắp thì yếu tố của lửa sẽ không sanh. Làm sao biết rõ yếu tố của nước với lửa đều cùng khắp hư không và chẳng hủy diệt lẫn nhau?

Bạch Thế Tôn! Tánh của đất có sự ngăn ngại nhưng yếu tố của hư không thì thông suốt. Thế thì làm sao cả hai cùng trùm khắp Pháp Giới? Con chẳng biết nghĩa này sẽ về đâu. Kính mong Như Lai với lòng đại từ mà tuyên giảng để tách rời đám mây u mê của con và các đại chúng."

Khi nói lời ấy xong, ngài cúi đầu đánh lễ sát đất, khâm kính và khát ngưỡng lời giáo huấn từ bi vô thượng của Như Lai.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo ngài Mãn Từ Tử cùng những vị Ứng Chân ở trong chúng hội với các lậu tận trừ và đã đạt đến quả vị Vô Học rằng:

"Hôm nay Như Lai sẽ rộng vì mọi người trong chúng hội nơi đây mà tuyên nói về nghĩa lý tối thắng ở trong những thắng nghĩa chân thật, hầu khiến cho những vị Thanh Văn định tánh các ông ở trong Pháp hội

này, cùng tất cả các vị Ứng Chân và những vị khác mà chưa chứng đắc hai loại không, sẽ hướng về thượng thừa và đều sẽ vào Đạo Tràng tịch diệt của Nhất Thừa, là nơi tu hành tĩnh mịch chân chánh. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết giảng cho ông."

Ngài Mãn Từ Tử cùng những vị khác đều khâm kính Pháp âm của Phật và lắng yên để nghe lời dạy của Như Lai.

Đức Phật bảo:

"Này Mãn Từ Tử! Theo như lời ông nói, nếu tất cả vốn thanh tịnh thì tại sao hốt nhiên sanh ra sông núi đất đai? Chẳng phải ông thường nghe Như Lai tuyên nói về tánh giác diệu minh và bốn giác minh diệu hay sao?"

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Dạ vâng, thưa Thế Tôn! Con thường nghe Phật tuyên giảng về nghĩa lý này."

Đức Phật bảo:

"Vậy có phải ông cho rằng bốn giác minh liễu là thể tánh trong sáng? Hay là bốn giác minh liễu vẫn thiếu sự hiểu biết cho đến khi đạt đến giác ngộ?"

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Bốn giác minh liễu được biểu thị bởi hiểu biết và sự hiểu biết đó thêm vào nó."

Đức Phật bảo:

"Giả sử bốn giác minh liễu được biểu thị bởi hiểu biết và sự hiểu biết đó thêm vào nó khi đạt đến giác ngộ. Nhưng sự giác ngộ mà có điều hiểu biết thêm vào thì không thể là giác ngộ chân thật. Sự giác ngộ như thế sẽ thiếu hiểu biết nếu nó không được thêm vào. Nhưng sự giác ngộ mà thiếu hiểu biết thì không thể gọi là bốn giác minh liễu trạm nhiên. Cho nên, nếu ông cho rằng sự hiểu biết phải thêm vào bốn giác minh liễu thì ông đã hiểu sai lệch.

Đó là vì sự giác ngộ chân thật thì không cần thêm vào điều gì. Nhân có sự hiểu biết thêm vào nên có chỗ thành lập. Khi chỗ hư vọng đã thành lập thì sẽ sanh vọng tâm của ông. Ban đầu ở trong đó chẳng có sự giống nhau hay sai khác, nhưng rồi do dấy khởi bốc cháy mà hình thành sai khác. Sai khác từ sự sai khác kia, rồi nhân bởi sai khác mà thành lập giống nhau. Nhân bởi sai khác và giống nhau sanh khởi nên sự chẳng giống nhau hay sai khác lại thành lập.

Sự nhiễu loạn như thế hỗ tương sanh khởi một tinh thần căng thẳng. Khi tinh thần căng thẳng kéo dài sẽ chấp trước pháp trần. Tinh thần căng thẳng và chấp trước pháp trần cùng tạo ra tâm vẫn đục, rồi từ đó mà dẫn đến khởi sanh trần lao phiền não. Sự khuấy động trở thành thế giới của trần cảnh, và tĩnh lặng trở thành hư không. Hư không thì giống nhau, nhưng thế giới có sai khác. Nó đích thật là pháp hữu vi và chẳng phải tương đồng hay dị biệt.

Một khi ánh sáng của hiểu biết được thêm vào bốn giác thì u ám của hư không hiện ra. Chúng giao tiếp lẫn nhau và tạo thành sự dao động ở trong tâm. Cho nên mới có phong luân và nó trì giữ thế giới. Nhân bởi hư không sanh khởi dao động, kiên cố của minh giác tạo lập chướng ngại và trở thành kim bảo. Do minh giác tạo lập kiên cố, cho nên mới có kim luân và nó bảo trì quốc độ.

Kiên cố của minh giác tạo thành kim luân. Dao động của minh giác lưu xuất phong luân. Gió và kim ma sát với nhau nên mới có ánh sáng của lửa và tánh của nó là biến hóa. Do ánh sáng của kim sanh ra ẩm ướt và ánh sáng của lửa bốc lên nên mới có thủy luân trùm khắp cõi giới mười phương.

Khi lửa bùng lên và nước đổ xuống, sự giao tiếp của chúng thành lập cứng chắc. Ẩm ướt là biển cả. Khô ráo là châu lục. Do bởi lẽ này nên ánh lửa thỉnh thoảng lóe khởi ở trong biển lớn kia và sông ngòi luôn chảy mãi ở trên châu lục.

Nếu nước chiếm ưu thế và lửa suy kém thì sẽ kết thành núi cao. Cho nên cục đá khi bị đập sẽ xẹt lửa và khi bị nung sẽ thành nước.

Nếu đất chiếm ưu thế và nước suy kém thì sẽ mọc ra cỏ cây. Cho nên rừng cây khi bị đốt sẽ thành đất tro và khi bị ép sẽ thành chất lỏng.

Những sự giao tiếp hư vọng cùng nhau lần lượt phát sanh làm chủng tử. Bởi nhân duyên ấy mà thế giới tương tục chẳng ngừng.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Những hiểu biết hư vọng của chúng sanh là do sự hiểu biết được thêm vào bốn giác. Một khi hư vọng đã thành lập thì sự nhận biết không thể vượt khỏi nó. Bởi nhân duyên ấy mà căn tai chỉ cảm nhận âm thanh và căn mắt không thể siêu du sắc trần. Do sáu trần--sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp--được nhận biết qua hư vọng nên bị phân khai thành những giác quan: thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, và biết.

Có những chúng sanh sanh ra là bởi nghiệp siết trói tương đồng. Có những chúng sanh sanh ra là bởi hợp tụ hoặc ly tán. Khi chúng sanh ở thân trung uẩn thấy một điểm sáng lóe lên, rồi lại nhìn kỹ vào chỗ lóe sáng nên có tướng hình thành. Dị kiến trở thành ghét và đồng tướng trở thành ái. Dòng chảy của ái làm chúng tử và thu hút tướng vào thai. Do vậy khi cha mẹ giao cấu sẽ phát sanh lực thu hút với một chúng sanh mà họ có nghiệp tương đồng. Bởi có những nhân duyên ấy nên thác vào thai, rồi phát triển ở tuần thứ nhất, thứ nhì, và những giai đoạn kế tiếp.

Sanh từ bào thai, sanh từ trứng, sanh từ ẩm ướt, và sanh từ biến hóa đều ứng theo nghiệp của chúng. Sanh từ trứng là do nghĩ tưởng. Sanh từ bào thai là do tình cảm. Sanh từ ẩm ướt là do hợp tụ. Sanh từ biến hóa là do ly tán. Do tình cảm, nghĩ tưởng, hợp tụ, và ly tán mà chúng sanh có thể chuyển từ một loại sanh này đến loại sanh khác. Tùy theo nghiệp thọ báo mà họ thăng hay đọa. Bởi nhân duyên ấy mà chúng sanh tương tục chẳng ngừng.

Này Mãn Từ Tử! Chúng sanh siết chặt lẫn nhau với niệm yêu thương. Do họ chẳng thể rời yêu thương nên cha mẹ con cháu hổ tương sanh

ra chẳng đoạn tuyệt ở thế gian. Căn gốc của những việc này chính là ái dục.

Do bởi yêu thương và tham muốn càng thêm lớn nên sự khao khát chẳng thể đình chỉ. Cho nên tất cả chúng sanh ở thế gian, hoặc sanh từ trứng, sanh từ biến hóa, sanh từ âm ước, hay sanh từ bào thai, tùy vào sức mạnh yếu mà lần lượt ăn nuốt lẫn nhau. Căn gốc của những việc này chính là giết hại.

Giả sử có người giết dê để ăn thịt. Sau khi chết, con dê sẽ sanh làm người. Còn kẻ sát sanh kia sẽ sanh làm dê. Như vậy cho đến mười loại chúng sanh, họ ăn nuốt lẫn nhau ở trong vòng sanh tử và nghiệp ác cùng khởi sanh cho đến hết biên tế của vị lai. Căn gốc của những việc này chính là trộm cắp.

Giả sử anh nợ tôi một mạng. Tôi tất sẽ muốn đòi mạng của anh. Bởi nhân duyên ấy nên chúng sanh phải trải qua trăm ngàn kiếp sanh tử.

Giả sử bạn thương yêu tâm tánh của tôi, hoặc tôi nhung nhớ sắc đẹp của bạn. Bởi nhân duyên ấy nên chúng sanh luôn bị siết trói đến suốt trăm ngàn kiếp.

Căn gốc của tất cả những việc này chính là giết hại, trộm cắp, và ái dục. Bởi nhân duyên ấy nên nghiệp quả tương tục mãi chẳng ngừng.

Này Mãn Từ Tử! Ba loại điên đảo tương tục này đều là do bởi thêm sự hiểu biết vào bốn giác minh liễu. Nhân bởi thêm vào sự hiểu biết nên cái thấy sai lầm khởi sanh. Kể từ đó, sơn hà đại địa và tất cả tướng

hữu vi đều lần lượt đổi dời. Nhân bởi sự hư vọng đó nên khi vừa kết thúc rồi lại bắt đầu nối tiếp.

---

Ngài Mãn Từ Tử bạch rằng:

"[Bạch Thế Tôn!] Nếu diệu giác này vốn là tuệ giác vi diệu trong sáng và tâm của Như Lai không tăng không giảm, thế thì tại sao vô cứ hốt nhiên sanh ra sơn hà đại địa và tất cả tướng hữu vi? Như bây giờ Như Lai đã chứng đắc diệu không minh giác, vậy sơn hà đại địa và tập lậu hữu vi sẽ còn khởi sanh chăng?"

Phật bảo ngài Mãn Từ Tử:

"Ví như có người bị lạc trong một làng nọ và chẳng biết đâu là hướng nam hay hướng bắc. Người ấy lạc mất phương hướng là do si mê hay là do giác ngộ?"

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Người lạc đường ấy chẳng phải do si mê và cũng chẳng phải do giác ngộ.

Vì sao thế? Bởi si mê vốn chẳng có căn gốc. Thế thì làm sao nó là nguyên nhân của lạc đường? Giác ngộ tất không sanh si mê. Thế thì làm sao nó là nguyên nhân của lạc đường?"



Đức Phật bảo:

"Giả sử đương lúc bị lạc, kẻ lạc đường kia bỗng nhiên gặp một người biết đường và được người ấy chỉ cho biết phương hướng.

Này Mãn Từ Tử! Ý ông nghĩ sao? Lúc trước người ấy đã lạc ở trong làng này, vậy bây giờ người ấy có còn bị lạc nữa chẳng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn!"

"Này Mãn Từ Tử! Chư Như Lai khắp mười phương thì cũng lại như vậy. Si mê vốn chẳng có căn gốc. Tánh của nó cứu cánh rỗng không. Xưa nay vốn chẳng mê. Nó chỉ tựa như có mê và giác. Một khi giác ngộ từ si mê thì nó liền diệt mất và từ giác ngộ sẽ không còn khởi sanh si mê nữa.

Lại cũng như người bị nhặm nên thấy hoa đốm giữa hư không. Nếu mắt hết nhặm thì hoa đốm liền diệt mất. Giả sử kẻ kia ngu si đến nỗi cứ nhìn ở chỗ hoa đốm biến mất và mong thấy chúng xuất hiện. Ông sẽ cho kẻ đó là ngu si hay trí tuệ?"

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Vốn chẳng có hoa ở trong hư không. Do cái thấy hư vọng sanh diệt nên thấy có hoa xuất hiện hay diệt mất ở trong hư không. Vốn đã là điên đảo mà còn muốn chúng xuất hiện nữa, đây quả thật ngu si điên cuồng? Làm sao có thể gọi kẻ điên cuồng như thế chỉ là ngu si, huống nữa là có trí tuệ ư?"

Đức Phật bảo:

"Như ông đã hiểu điều đó, vậy tại sao còn hỏi rằng, khi chư Phật Như Lai đã chứng diệu giác minh không thì sơn hà đại địa sẽ còn khởi sanh nữa chăng?"

Lại như quặng mỏ vàng. Quặng mỏ có vàng lẫn lộn với tạp chất. Một khi được nung lọc để thành vàng ròng thì nó sẽ không trở thành như xưa nữa.

Lại như khúc gỗ một khi đã bị đốt thành tro thì nó sẽ không còn trở thành khúc gỗ được nữa.

Đạo tịch diệt của chư Phật Như Lai thì cũng lại như vậy.

Này Mãn Từ Tử! Ông đã hỏi rằng, nếu bốn tánh của đất nước gió lửa hoàn toàn dung hòa lẫn nhau và trùm khắp Pháp giới, thế thì tại sao yếu tố của nước và lửa lại không hủy diệt lẫn nhau? Ông cũng hỏi rằng, tại sao yếu tố của hư không và đất trùm khắp Pháp giới nhưng lại chẳng dung hợp với nhau?

Này Mãn Từ Tử! Ví như thể của hư không chẳng có hình tướng nhưng nó không cản ngăn mọi tướng khác phát huy ở trong nó.

Vì sao thế, Mãn Từ Tử? Bầu trời bao la kia sẽ sáng khi mặt trời chiếu soi. Nó sẽ tối khi mây bao phủ. Ở trong nó sẽ có dao động khi gió thổi. Nó sẽ trong thanh khi mưa tạnh. Nó sẽ ô trược khi không khí ngưng

động. Nó sẽ mù mịt khi gió thổi cuốn bụi. Nó sẽ phản chiếu khi nước lẳng trong. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi đặc thù như thế là nhân bởi kia sanh hay là có từ hư không?

Này Mãn Từ Tử! Giả sử những hiện tượng kia sanh ra từ hoàn cảnh. Vậy khi mặt trời chiếu soi, có phải ánh sáng ở trong không sanh ra là do bởi mặt trời chiếu sáng chẳng? Nếu là thế thì mặt trời sẽ ở khắp các thế giới trong mười phương. Tại sao chúng ta chỉ thấy một mặt trời hình tròn ở giữa không trung? Ngược lại, nếu ánh sáng của bầu trời đến từ hư không thì lẽ ra tất cả hư không sẽ tự chiếu. Tại sao nó không tỏa sáng rực rỡ ở giữa đêm, hoặc khi có mây hay sương mù? Cho nên phải biết rằng, ánh sáng này chẳng do mặt trời hay hư không, nhưng nó cũng không thể có nếu chẳng có mặt trời và hư không.

Chân diệu giác minh thì cũng lại như vậy. Nếu ai phát khởi rằng có hư không ở trong tâm thì hư không sẽ hiện ở trong diệu giác. Đất nước gió lửa, mỗi thứ đều hiện ở trong diệu giác nếu ai phát khởi chúng. Giả như phát khởi tất cả thì chúng cũng đều hiện ra. Làm sao mà chúng đều có thể hiện ra?

Này Mãn Từ Tử! Việc đó ví như ánh phản chiếu của mặt trời ở trong một vùng nước. Khi hai người cùng nhìn xem ánh phản chiếu đều rời khỏi, người đi về hướng đông, kẻ đi về hướng tây. Mỗi người sẽ thấy ánh phản chiếu của mặt trời di chuyển theo họ. Do ánh phản chiếu di chuyển về hướng đông và cũng di chuyển về hướng tây nên nó vốn chẳng có vị trí cố định. Chớ nên một mực hỏi rằng, làm sao chỉ một ánh phản chiếu của mặt trời mà có thể đi mỗi ngã? Hoặc làm sao hai ánh phản chiếu mà hiện ra chỉ một? Đó là bởi chúng là hư vọng quanh

co và chẳng thể có căn cứ.

Ông hãy quán sát các tướng trạng này vốn là hư vọng. Bởi vậy nên không thể nào chỉ ra chúng. Nếu cứ khẳng khẳng đi tìm thì sẽ như cầu mong hoa đốm giữa hư không sẽ kết trái. Thế thì làm sao ông có thể hỏi về việc các yếu tố có hủy diệt lẫn nhau hay không chứ? Ông hãy quán sát rằng, tánh bốn nguyên chân thật của chúng chính là diệu giác minh tâm, là tuệ giác trong sáng nhiệm màu. Nước, lửa và những yếu tố khác vốn không hề có. Vậy sao ông còn hỏi về việc chúng làm sao có thể tồn tại lẫn nhau?

Này Mãn Từ Tử! Ông cho rằng hình sắc và hư không xâm đoạt lẫn nhau ở trong Như Lai tạng. Nhưng ở trong Như Lai tạng, hình sắc và hư không trùm khắp Pháp Giới. Cho nên sự chuyển động của gió, sự tĩnh lặng của hư không, mặt trời chiếu sáng hay mây u ám, đều hiện ở trong Như Lai tạng. Tuy nhiên, do chúng sanh mê muội nên quay lưng với giác ngộ mà hợp chung với trần lao. Do đó phát khởi các pháp hữu vi của thế gian.

Với diệu minh không sanh không diệt, Ta đồng với Như Lai tạng. Như Lai tạng là diệu giác minh liễu và chiếu khắp Pháp Giới. Cho nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, và lớn hiện ra ở trong nhỏ, như nhỏ hiện ra ở trong lớn. Ta ngồi bất động ở Đạo Tràng và Pháp thân của Như Lai bao trùm vô tận hư không khắp mười phương. Chỉ ở trên một đầu sợi lông cũng có thể hiện ra Phật độ trang nghiêm. Rồi ngồi ở trong mỗi vi trần, Như Lai chuyển đại Pháp luân. Do Ta đã diệt trừ trần lao và hợp nhất với giác ngộ nên mới chứng diệu giác minh tánh của Chân Như.

Vì vậy Như Lai tạng, là tâm nhiệm màu viên mãn bốn nguyên: chẳng phải tâm phân biệt, chẳng phải hư không, chẳng phải đất, chẳng phải nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa, chẳng phải mắt tai mũi lưỡi thân ý, chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp, chẳng phải thức của mắt và cho đến thức của ý. Nó chẳng phải sự hiểu biết, chẳng phải vô minh, và cũng chẳng phải hết vô minh. Cho đến nó chẳng phải già, chẳng phải chết, và cũng chẳng phải hết già chết. Nó chẳng phải khổ, chẳng phải tập, chẳng phải diệt, chẳng phải Đạo, chẳng phải trí, chẳng phải chứng đắc, chẳng phải bồ thí, chẳng phải trì giới, chẳng phải nhẫn nhục, chẳng phải tinh tấn, chẳng phải thiền định, chẳng phải trí tuệ, và các Pháp Đến Bờ Kia. Như vậy cho đến chẳng phải Như Lai, chẳng phải Ứng Cúng, chẳng phải Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải đại tịch diệt, chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, và chẳng phải tịnh. Nó đều chẳng phải những thứ ấy, dù là Pháp xuất thế hay pháp thế gian. Tất cả những thứ ấy đều không phải là Như Lai tạng, là tâm nhiệm màu minh liễu bốn nguyên.

Tuy nhiên Như Lai tạng cũng chính là tâm phân biệt, là hư không, là đất, là nước, là gió, là lửa, là mắt tai mũi lưỡi thân ý, là sắc thanh hương vị xúc pháp, là thức của mắt và cho đến thức của ý. Nó là sự hiểu biết, là vô minh, và cũng là hết vô minh. Cho đến nó là già, là chết, và cũng là hết già chết. Nó là khổ, là tập, là diệt, là Đạo, là trí, là chứng đắc, là bồ thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ, và các Pháp Đến Bờ Kia. Như vậy cho đến là Như Lai, là Ứng Cúng, là Chánh Đẳng Chánh Giác, là đại tịch diệt, là thường, là lạc, là ngã, và là tịnh. Nó đều là những thứ ấy, dù là Pháp xuất thế hay pháp thế gian. Tất cả những thứ ấy đều chính là Như Lai tạng, là tâm nhiệm

màu minh liễu bốn nguyên.

Như Lai tạng lìa khỏi phải hay chẳng phải, nhưng nó cũng là phải và chẳng phải.

Làm sao chúng sanh ở trong ba cõi với tâm phân biệt của họ, cho đến hàng Thanh Văn và bậc Duyên Giác đã vượt khỏi thế gian, mà có thể suy lường Đạo vô thượng của Như Lai? Làm sao mà có thể dùng ngôn ngữ của thế gian để vào tri kiến của Phật chứ?

Ví như đàn cầm, đàn hạc, và đàn tỳ bà. Tuy chúng có âm thanh tuyệt vời, nhưng nếu chẳng có những ngón tay khéo léo thì chúng sẽ không bao giờ có thể phát ra tiếng đó. Ông và chúng sanh thì cũng lại như vậy; trong mỗi người đều viên mãn bảo giác chân tâm. Như khi Ta đưa các ngón tay lên để bắt ấn, thì ánh sáng của Hải Ấn Chánh Định phóng ra. Một khi ông vừa khởi tâm thì trần lao đã khởi sanh trước. Đó là do ông chẳng tinh cần tìm con đường đến tuệ giác vô thượng mà chỉ yêu nhớ Tiểu Thừa và khi được một chút mà cho là đủ."

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Con cùng Như Lai đều giống nhau và đầy đủ bảo giác viên minh với chân tâm thanh tịnh nhiệm mầu. Tuy nhiên, con từ vô thủy xa xưa đã vướng mắc vọng tưởng nên khiến con phải ở rất lâu trong luân hồi. Mặc dù con nay đã trở thành bậc thánh, nhưng sự giác ngộ của con vẫn chưa viên mãn. Còn riêng Thế Tôn thì đã diệt trừ mọi vọng niệm và chỉ còn diệu giác chân thật thường hằng. Con tha thiết xin dám hỏi Như Lai, do bởi nhân gì mà tất cả chúng sanh lại có hư vọng? Nó che

lấp diệu minh của họ và khiến họ trầm luân trong sanh tử."

Phật bảo ngài Mãn Từ Tử:

"Tuy ông đã diệt trừ hoài nghi và lậu hoặc thô kệch, nhưng hoài nghi và lậu hoặc vi tế thì vẫn chưa đoạn hết. Ta nay sẽ dùng các việc hiện tại của thế gian để hỏi ông. Ông há chẳng nghe về câu chuyện của một người tên là Từ Thọ ở trong thành Phong Đức hay sao? Vào một buổi sáng sớm nọ, anh ta lấy gương soi mặt và say đắm khuôn mặt của mình khi nhìn thấy con mắt và lông mi ở trong gương. Rồi anh ta nổi sân và quở trách cái đầu của mình đã không thấy chúng. Anh ta cho rằng mình đã trở thành yêu tinh, rồi điên cuồng một cách vô cớ và bỏ chạy ra ngoài. Ý ông nghĩ sao? Do nhân gì mà kẻ này điên cuồng một cách vô cớ và bỏ chạy ra ngoài?"

Ngài Mãn Từ Tử thưa rằng:

"Tâm của kẻ này cuồng loạn chứ không phải nguyên nhân nào khác."

Đức Phật bảo:

"Tuệ giác vi diệu trong sáng là viên mãn. Nó vốn nhiệm màu minh liễu viên dung. Làm sao có nhân gì để gọi nó là vọng tưởng? Và dù có nhân gì đi nữa thì làm sao gọi nó là vọng tưởng?"

Những vọng tưởng của ông tự triển chuyển làm nhân lẫn nhau. Từ si mê chồng chất thêm si mê và trải qua số kiếp nhiều như vi trần. Mặc dù Phật đã khai thị và chỉ rõ, nhưng cũng không thể đảo ngược lại cho

ông.

Từ nhân của si mê như thế nên nhân của si mê vẫn tự có. Ông phải thấu hiểu rằng, si mê chẳng có nhân và vọng tưởng không có chỗ nương. Chúng còn không có chỗ sanh ra, vậy thì ông còn muốn diệt trừ để làm gì? Những ai đắc Đạo thì ví như người đã tỉnh giấc và kể lại những chuyện trong mộng. Cho dù bây giờ tâm của người ấy rất sáng suốt, nhưng làm sao người ấy có thể lấy những đồ vật trong mộng chứ. Huống nữa nhân của si mê vốn không chỗ có.

Ví như gã Từ Thọ ở trong thành kia. Sao lại có nhân duyên gì để khiến anh ta hoảng sợ mà bỏ chạy chứ? Giả sử sự điên cuồng của y bỗng nhiên dừng nghỉ thì đầu của anh ta cũng không thể có được từ bên ngoài. Cho dù sự điên cuồng của anh ta vẫn chưa dừng nghỉ thì đầu của y sao lại có thể biến mất chứ?

Này Mãn Từ Tử! Tánh của hư vọng cũng lại như thế. Nhân của nó ở đâu? Ông chỉ cần không chạy theo sự phân biệt của ba loại tương tục, gồm có: thế gian, nghiệp quả, và chúng sanh. Một khi đã đoạn trừ ba nghiệp duyên thì ba nghiệp nhân này sẽ không sanh. Do đó tánh điên cuồng ở trong tâm của ông, tựa như sự cuồng loạn của gã Từ Thọ, sẽ tự nhiên dừng nghỉ. Sự dừng nghỉ đó chính là tuệ giác, là tâm trong sáng, thù thắng thanh tịnh, và vốn luôn trùm khắp Pháp Giới. Nó không phải từ người khác mà có được. Thế thì ông hà tất phải lao nhọc đến tận gân cốt để tu chứng làm chi?

Đây ví như có người không hề hay biết ở trong áo của mình có buộc một hạt châu như ý. Do đó kẻ ấy phải chịu bần cùng rách rưới và bôn



ba đi xin ăn khắp nơi. Mặc dù kẻ đó thật sự bần cùng nhưng hạt châu vẫn chưa từng bị mất. Nếu hốt nhiên gặp được bậc trí và chỉ ra chỗ hạt châu thì mọi sở nguyện của người ấy sẽ được như ý và trở nên giàu sang vô cùng. Khi đó người ấy mới ngộ ra rằng, hạt châu thần diệu không thể từ bên ngoài mà được."

Lúc bấy giờ ngài Khánh Hỷ đứng dậy từ giữa đại chúng, rồi đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật và bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Như Lai mới vừa nói rằng, một khi đoạn trừ ba nghiệp duyên của sát sanh, trộm cắp, và tà dâm, thì ba nghiệp nhân của chúng sẽ không sanh. Do đó tánh điên cuồng ở trong tâm của chúng ta, tựa như sự cuồng loạn của gã Từ Thọ, sẽ tự nhiên dừng nghỉ. Sự dừng nghỉ đó chính là tuệ giác và nó không phải từ người khác mà có được. Rõ ràng những việc này không phải là thí dụ của nhân duyên hay sao? Vậy thì tại sao Như Lai gạt bỏ thuyết nhân duyên? Con cũng từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa lý này chẳng phải riêng những vị Hữu Học thuộc hàng Thanh Văn trẻ tuổi như chúng con, mà hiện tại ở trong Pháp hội này, như là Tôn giả Đại Thái Thúc Thị, Tôn giả Thu Lộ Tử, Tôn giả Vô Diệt cùng những vị khác, lúc xưa họ đã từng theo học các vị Phạm Chí lớn tuổi. Họ do nhờ nghe giáo lý nhân duyên của Phật mà tâm khai ngộ và trở thành bậc vô lậu. Giờ đây Thế Tôn nói rằng sự khai ngộ không từ nhân duyên. Như vậy thì luận thuyết về sự giác ngộ là tự nhiên của ngoại đạo Mịch Đạo Ngư Xá Tử và những người khác ở thành Vương Xá, chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế rồi. Kính mong Như Lai rủ lòng đại bi mà khai thị để trừ bỏ sự mê muội của chúng con."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Hãy so sánh những gì ông nói với trường hợp của gã Từ Thọ ở trong thành Phong Đức. Nếu sự điên cuồng của anh ta là do nhân duyên mà được diệt trừ, tức là tánh cuồng loạn của y sẽ tự nhiên xuất hiện nữa. Ông bàn luận về lý thuyết nhân duyên và tự nhiên, xét cho cùng là vậy.

Này Khánh Hỷ! Đầu của gã Từ Thọ vốn tự nhiên có. Nó luôn là một phần của anh ta. Bằng không thì hẳn sẽ không còn là chính mình nữa. Thế thì nhân duyên làm sao liên quan đến việc hoảng sợ mất đầu nên đã điên cuồng chạy loạn của anh ta đây?

Nếu đầu của gã Từ Thọ vốn tự nhiên có nhưng do bởi nhân duyên nên cuồng loạn, thế thì tại sao không tự nhiên do bởi nhân duyên mà biến mất? Đầu của y vốn chẳng mất. Sự điên cuồng và sợ hãi của anh ta sanh ra từ hư vọng. Sự thật thì chưa từng có biến đổi nào. Thế thì làm sao sự điên cuồng của anh ta là khởi sanh từ nhân duyên chứ? Và nếu sự điên cuồng của y vốn tự nhiên có, tức là vốn có sự điên cuồng và sợ hãi, vậy thì trước khi anh ta trở nên cuồng loạn thì sự điên cuồng ấy đã cất giấu ở đâu? Ngược lại, nếu sự điên cuồng của kẻ đó vốn chẳng tự nhiên có và anh ta vốn không vọng tưởng về đầu của mình, thế thì tại sao y lại điên cuồng chạy loạn chứ?

Nếu gã Từ Thọ giác ngộ rằng, đầu của anh ta luôn là một phần của mình và nhận biết sự điên cuồng chạy loạn, thì lý thuyết nhân duyên và tự nhiên đều là hí luận. Đó là tại sao Ta nói rằng, một khi ba nghiệp

duyên đoạn trừ thì tức là tâm giác ngộ.

Nếu ông bảo rằng tâm giác ngộ sanh ra khi sanh diệt của tâm chấm dứt, thì ông sẽ lại bảo rằng tâm giác ngộ cũng là sanh diệt. Sự thật thì con đường đến giác ngộ mà chẳng tốn công phí sức chính là chấm dứt cả sanh lẫn diệt.

Giả sử tâm giác ngộ là tự nhiên sanh ra. Như thế rất rõ là tâm tự nhiên sanh ra khi sanh diệt của tâm chấm dứt. Nhưng đó cũng là sanh diệt. Đừng nghĩ rằng những gì không sanh diệt thì sẽ tự nhiên sanh ra.

Ví như những tạp chất ở thế gian hòa chung với nhau để thành một thể chất thì gọi là tánh hòa hợp. Những gì chẳng thể hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Sự thật thì bản nhiên chẳng phải bản nhiên và hòa hợp chẳng phải hòa hợp. Bản nhiên và hòa hợp đều chẳng tồn tại. Sự tồn tại của hòa hợp và bản nhiên đều chẳng còn, khi đó cú nghĩa này mới gọi là Pháp không hí luận.

Đối với ông, Đạo tịch diệt vẫn còn xa xăm. Ông sẽ phải trải qua nhiều kiếp với khổ nhọc tinh cần mới tu chứng. Tuy ông có khả năng nhớ trọn 12 Bộ Kinh với nghĩa lý thanh tịnh vi diệu như cát sông Hằng của chư Như Lai trong mười phương, nhưng đó chỉ giúp ích cho việc hí luận. Tuy ông có thể đàm luận cùng giảng nói về nhân duyên và những việc tự nhiên sanh ra, với sự thấu rõ chắc chắn như thế nên được người thế gian tôn ông là bậc đa văn đệ nhất, nhưng cho dù ông huân tập đa văn trong nhiều kiếp thì cũng không thể thoát miễn ách nạn của cô gái thuộc bộ tộc Mātanga. Tại sao ông phải cần Ta niệm Phật đánh thần chú cho ông? Lửa dâm trong lòng của cô gái thuộc bộ tộc

Mātaṅga đã diệt hẳn và liền đắc Quả Bất Hoàn. Bây giờ ở trong Pháp của Ta, cô ấy trở thành một trong muôn người ở trong rừng tinh tấn. Do sông ái của cô ta đã khô cạn nên khiến ông được giải thoát.

Cho nên, Khánh Hỷ! Dù ông trải qua nhiều kiếp thọ trì Pháp bí mật trang nghiêm vi diệu của Như Lai thì chẳng bằng như một ngày tu hành nghiệp vô lậu và lìa xa hai thứ khổ, thương với ghét của thế gian. Như lúc xưa cô gái thuộc bộ tộc Mātaṅga là một dâm nữ, nhưng do uy lực của thần chú nên đã tiêu trừ ái dục của cô ta. Bây giờ cô ấy đã trở thành Bhikṣuṇī ở trong Pháp của Ta, tên là Tánh. Bhikṣuṇī Tánh và Bhikṣuṇī Trì Xưng, tức là mẹ của Bhikṣu Phú Chương, thấy đồng giác ngộ những việc đời trước của mình. Họ biết rằng nguyên nhân trải qua nhiều đời sanh tử khổ đau chính là tham ái. Do nhờ một niệm huân tu của Pháp thiện vô lậu mà họ được thoát khỏi siết buộc hoặc được Phật thọ ký. Tại sao ông vẫn còn dối gạt chính mình mà chỉ đứng yên, nghe ngóng, và quan sát?"

Khi ngài Khánh Hỷ và các đại chúng nghe lời dạy bảo của Phật, thì hoài nghi và lậu hoặc của họ được diệt trừ và tâm giác ngộ thật tướng. Thân tâm của họ khinh an và được điều chưa từng có.

---

Một lần nữa, ngài Khánh Hỷ rơi lệ xót thương, rồi đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, quỳ hai gối, chấp tay, và thưa với Phật rằng:

"Bậc Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương đã khéo khai mở tâm con. Ngài có thể dùng muôn loại nhân duyên như thế để phương tiện

điều dắt và khích lệ, hầu chỉ dẫn các chúng sanh chìm đắm ra khỏi biển khổ u minh.

Thưa Thế Tôn! Con nay do nhờ nghe Pháp âm như thế nên mới biết Như Lai tạng, là tâm nhiệm mầu giác ngộ minh liễu và trùm khắp cõi giới trong mười phương. Nó bao hàm và dưỡng dục khắp các quốc độ của Như Lai trong mười phương, là những cõi nước thanh tịnh trang nghiêm báu của Diệu Giác Vương. Như Lai cũng quở trách con chỉ nghe Pháp mà không áp dụng vào việc tu tập. Vì vậy con nay như kẻ lữ khách phiêu bạt và hốt nhiên gặp được vua trời ban cho ngôi nhà mỹ lệ. Tuy có được ngôi nhà nguy nga nhưng người ấy vẫn cần tìm cánh cửa để vào. Con chỉ mong Như Lai chớ rời bỏ đại bi đối với chúng con ở Pháp hội nơi đây, là những kẻ bị si ám che phủ, hầu khiến chúng con lìa bỏ Nhị Thừa. Kính mong Như Lai chỉ dẫn con đường từ sơ phát tâm cho đến chứng đắc Vô Dư Tịch Diệt của Như Lai, hầu khiến hàng Hữu Học nhiếp phục các duyên tìm cầu tích tập, đắc tổng trì và vào tri kiến của Phật."

Khi đã thỉnh cầu, ngài Khánh Hỷ cúi đầu đánh lễ sát đất; tất cả đại chúng trong Pháp hội cũng nhất tâm chờ đợi thánh chỉ từ bi của Phật.

Lúc bấy giờ Thế Tôn thương xót cho hàng Thanh Văn và Duyên Giác ở trong chúng hội, là những vị chưa được tự tại đối với Đạo tâm. Ngài cũng vì thương xót các chúng sanh vị lai sẽ sanh ra sau khi Phật diệt độ ở vào thời Mạt Pháp, nên hiển lộ con đường tu hành vi diệu của Vô Thượng Thừa để khiến tất cả đều phát tâm Bồ-tát.

Đức Phật khai thị cho Tôn giả Khánh Hỷ cùng toàn thể đại chúng rằng:

"Các ông đã đều phát khởi Đạo tâm vững chắc và chẳng sanh chán nản hay mệt mỏi đối với chánh định vi diệu của chư Phật Như Lai. Vì vậy trước tiên các ông phải nên thông hiểu hai ý nghĩa quyết định về sơ phát khởi Đạo tâm. Hai ý nghĩa quyết định về sơ phát khởi Đạo tâm là những gì?

Này Khánh Hỷ! Ý nghĩa thứ nhất là: nếu các ông muốn lìa bỏ Thanh Văn Thừa và tu Bồ-tát Thừa để vào tri kiến của Phật, thì phải nên quán sát tường tận lúc phát tâm ở Nhân Địa cùng với Quả Địa khi giác ngộ, là giống nhau hay sai khác?

Này Khánh Hỷ! Nếu ở Nhân Địa mà dùng tâm sanh diệt để làm căn bản tu nhân, ông sẽ không thể nào cầu được Phật Thừa không sanh không diệt. Do bởi lẽ này, ông hãy chiếu soi sự hiểu biết của mình vào các pháp hữu vi của thế gian và chúng đều trải qua biến đổi cùng hoại diệt.

Này Khánh Hỷ! Ông hãy quán sát những pháp tạo tác của thế gian. Có cái nào là bất hoại chẳng? Tuy nhiên, ông sẽ không bao giờ nghe rằng hư không có hư hoại.

Vì sao thế? Bởi hư không chẳng phải là thứ có thể làm ra. Do vậy nó thì chung không bao giờ hoại diệt.

Ở trong thân thể của ông, những gì cứng chắc thuộc về yếu tố đất, những gì ẩm ướt thuộc về yếu tố nước, những gì ấm áp thuộc về yếu tố lửa, và những gì dao động thuộc về yếu tố gió. Do bốn đại này quấn siết với nhau nên đã phân chia tâm nhiệm mầu, giác ngộ minh liễu, và

trạm nhiên viên mãn của ông thành những chức năng, như là thị giác, thính giác, xúc giác, hoặc tri giác. Do vậy năm lớp ô trược hình thành kể từ đó. Sao gọi là ô trược?

Này Khánh Hỷ! Ví như nước vốn thanh khiết, nhưng đất cát tro bụi vốn là chất ngăn ngại. Do thể của chúng là vậy nên tánh của chúng không tương thích với nhau. Giả sử có người ở thế gian lấy một chút đất bụi bỏ vào nước trong. Đất sẽ mất thể ngăn ngại và nước sẽ mất thể thanh khiết. Do chúng cùng nhau hiện ra vẫn đục nên gọi là ô trược. Năm lớp ô trược của ông thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Như khi ông nhìn vào hư không biến khắp mười phương, chẳng có sự phân chia nào giữa hư không và thị giác của ông. Nếu chỉ hư không tồn tại thì sẽ chẳng có gì để nhận biết nó cả. Nếu chỉ thị giác tồn tại thì sẽ chẳng có thứ gì để cho nó nhận biết. Do hư không và thị giác vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ nhất, gọi là ô trược của thời gian.

Thân thể của ông được kết hợp bởi bốn đại. Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, và tri giác của ông vun đắp nên khiến cho ngăn ngại. Đất nước gió lửa xoay chuyển nên khiến có sự nhận biết. Do sự nhận biết và bốn đại vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ nhì, gọi là ô trược của cái thấy.

Lại ở trong tâm của ông có sự huân tập của nhớ biết và tánh phát khởi thấy biết. Do đó sáu thức sanh khởi và dung thọ sáu trần. Nếu lìa khỏi các trần thì các thức sẽ chẳng có tướng. Nếu lìa khỏi sự nhận biết thì các trần sẽ chẳng có tánh. Do các trần và các thức vướng mắc với

nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trước thứ ba, gọi là ô trước của phiền não.

Lại nữa, chúng sanh sớm tối sanh ra và diệt mất mà chẳng tạm đình. Tri kiến của họ luôn mong sống mãi ở thế gian. Nghiệp lực luôn đưa đẩy họ từ cõi này đến cõi khác. Do ý tưởng và nghiệp của họ vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trước thứ tư, gọi là ô trước của chúng sanh.

Tánh thấy nghe của các ông vốn chẳng sai khác với nhau. Do các trần chia cách nên tuy chúng giống nhau mà chức năng có sai khác. Do các thức và các trần mất đi chuẩn mực và vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trước thứ năm, gọi là ô trước của thọ mạng.

Này Khánh Hỷ! Ông nay muốn chuyển thị giác, thính giác, và cho đến tri giác để khế hợp từ xa với thường lạc ngã tịnh của Như Lai. Ông trước tiên phải nhổ trừ căn gốc của sanh tử và nương vào tánh viên thành trạm nhiên không sanh không diệt. Hãy dùng tánh trạm nhiên để xoay chuyển cảnh sanh diệt hư vọng và hồi phục bốn giác. Khi đã được minh giác bốn nguyên, là tánh không sanh diệt để làm Nhân Địa, rồi sau đó ông sẽ tu chứng thành tựu viên mãn Quả Địa.

Việc này có thể sánh với phương pháp làm lắng đọng nước đục. Nếu ông có thể giữ nó yên tĩnh bất động ở trong thùng chứa thì cát với đất sẽ tự nhiên chìm xuống và nước sẽ trở nên thanh khiết. Đây có thể so sánh với giai đoạn đầu của hàng phục phiền não từ khách trần. Khi đã loại trừ bùn dơ và chỉ còn nước trong thì gọi là vĩnh viễn đoạn trừ căn



gốc của vô minh. Khi minh tướng tinh thuần, tất cả đều biến hiện và không bị phiền não. Tất cả đều khế hợp với diệu đức thanh tịnh của tịch diệt.

---

Ý nghĩa thứ nhì là: nếu các ông muốn hết lòng phát khởi Đạo tâm thì phải sanh tâm đại dũng mãnh ở trong Bồ-tát Thừa. Các ông phải nhất quyết xả bỏ các tướng hữu vi, và phải thâm tướng căn bản của phiền não. Nó từ vô thủy đến nay đã phát khởi và sanh trưởng nghiệp. Ai làm ra nó và ai thọ nhận?

Này Khánh Hỷ! Trong tiến trình tu Đạo, nếu ông chẳng quán sát căn gốc của phiền não một cách tường tận, thì sẽ không thể biết điên đảo hư vọng của các căn và các trần ở đâu. Nơi xứ mà còn chẳng biết thì làm sao hàng phục chúng và đạt đến quả vị của Như Lai?

Này Khánh Hỷ! Ông hãy quan sát người tháo gút ở thế gian. Nếu người ấy không thấy chỗ thắt buộc thì làm sao biết mà gỡ ra? Tuy nhiên, ông chưa bao giờ nghe hư không bị hủy nát ra từng mảnh.

Vì sao thế? Bởi hư không chẳng có hình tướng nên không thể kết hợp hay chia cắt.

Nhưng hiện tại sáu căn của ông, gồm có mắt tai mũi lưỡi thân ý, đang làm nội gián cho bọn giặc để vào nhà cướp của. Cũng như vậy, do chúng sanh và thế giới từ vô thủy đã trói buộc lẫn nhau bởi sự hư vọng này nên chúng sanh không thể vượt khỏi y báo thế gian.

Này Khánh Hỷ! Sao gọi là chúng sanh và thế giới của không gian và thời gian? Thế tức là đối đời; giới tức là phương hướng và vị trí. Ông nay nên biết rằng: không gian chia làm đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên và phương dưới; thời gian chia làm quá khứ, hiện tại, và vị lai. Vị trí có mười và thời gian có ba. Do các chúng sanh mắc kẹt nơi hư vọng nên họ qua lại ở trong không gian và thời gian liên kết với nhau.

Mặc dù không gian trải rộng đến mười phương và có thể biết rõ ràng, nhưng mắt phàm của thế gian chỉ xem đông tây nam bắc là bốn hướng chính. Họ không xem phương trên và phương dưới có vị trí rõ rệt. Họ xem bốn hướng phụ chẳng phải là những phương hướng cố định. Bốn hướng chính được hiểu là cố định. Do đó có thể nói rằng không gian là 4, thời gian là 3. Nếu lấy 4 nhân cho 3 sẽ bằng 12, rồi nhân cho 10, rồi lại nhân cho 10 nữa thì sẽ là 1.200. Tổng quát thì chung ở trong sáu căn, mỗi căn sẽ có 1.200 công đức.

Này Khánh Hỷ! Ông cũng có thể xác định mức độ thẳng liệ ở trong mỗi căn. Ví như căn mắt nhìn thấy ở trước chứ không thấy ở sau. Ở phía trước toàn là ánh sáng và ở phía sau toàn là đen tối. Nếu thêm vào một nửa nhãn lực bên trái và một nửa nhãn lực bên phải, tổng nhãn lực là  $\frac{2}{3}$ . Thế nên tổng số công đức của căn mắt chẳng vẹn toàn và chỉ hoạt động ở ba trong bốn hướng chính. Do đó phải biết rằng, căn mắt bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn tai có thể nghe khắp mười phương mà chẳng thiếu sót. Tiếng động có thể nghe gần hoặc xa. Khi tĩnh lặng, thính giác là vô

biên tế. Do đó phải biết rằng, căn tai đầy đủ 1.200 công đức.

Ví như căn mũi có thể ngửi mùi. Hơi thở ra vào ở lỗ mũi. Đang lúc hít vào và thở ra, hơi thở có gián đoạn. Thông qua sự chứng nghiệm này, căn mũi bị thiếu một trong ba phần. Do đó phải biết rằng, căn mũi bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn lưỡi có thể tuyên dương hết thảy mọi trí tuệ của thế gian và xuất thế gian. Tuy ngôn ngữ ở mỗi nơi có khác nhưng nghĩa lý vô cùng tận. Do đó phải biết rằng, căn lưỡi đầy đủ 1.200 công đức.

Ví như căn thân có thể cảm giác xúc chạm và biết là thoải mái hay khó chịu. Nó có thể cảm giác khi xúc chạm nhưng lại chẳng biết khi tách rời. Tách rời là một phẩm chất và xúc chạm có hai phẩm chất. Thông qua sự chứng nghiệm này, căn thân bị thiếu một trong ba phần. Do đó phải biết rằng, căn thân bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn ý có thể tĩnh lặng dung thọ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong ba đời mười phương. Dù là ý niệm của thánh nhân hay phàm phu, không gì chẳng bao dung, và nó biết đến tận ranh giới. Do đó phải biết rằng, căn ý đầy đủ 1.200 công đức.

Này Khánh Hỷ! Ông nay muốn đi ngược dòng ái dục đã dẫn đến sanh tử. Ông muốn đi ngược dòng chảy qua các căn để đến nơi tận cùng không sanh không diệt. Thế thì ông phải suy nghiệm sáu căn hoạt động như thế nào. Những căn nào hoạt động khi tiếp xúc với trần cảnh của chúng và những căn nào hoạt động khi tách rời trần cảnh của chúng. Những căn nào dễ tu tập và những căn nào khó tu tập. Những

căn nào có thể đạt đến viên thông và những căn nào chẳng viên mãn.

Nếu ông tỏ ngộ những căn nào có thể đạt đến viên thông, thì ông sẽ có thể đi ngược dòng nghiệp hư vọng đã siết buộc từ vô thi. Một ngày tu hành nương theo căn viên thông, tức sẽ bằng một kiếp tu hành nương theo căn chẳng viên thông. Ta nay đã giải thích rõ ràng về công đức vốn có của sáu căn viên minh trạm nhiên, và số lượng của chúng như thế. Bây giờ chỉ tùy ông tuyển lựa kỹ càng là căn nào để có thể vào. Ta sẽ làm rõ việc này để giúp ông tiến bước dũng mãnh.

Chư Như Lai trong mười phương đều chọn 1 trong 18 giới để tu hành và thầy đấng Đạo vô thượng viên mãn. Đối với các Ngài, không một cái nào ở trong 18 giới là ưu việt hay hạ liệt. Nhưng do ông đang ở bậc thấp kém và vẫn chưa có thể viên mãn tự tại ở trong đó, nên Ta mới tuyên nói để giúp ông chọn một căn duy nhất và xem nó như một cánh cửa để vào sâu tu hành. Nếu ông vào sâu tu hành và chẳng còn hư vọng ở trong một căn, thì các căn còn lại sẽ đồng thời thanh tịnh."

Ngài Khánh Hỷ bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Làm sao con có thể vào sâu tu hành ở trong một căn để ngược dòng sanh tử và khiến sáu căn đồng thời thanh tịnh?"

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Nay ông đắc Quả Nhập Lưu và đã đoạn diệt cái thấy si hoặc của chúng sanh thế gian ở trong ba cõi. Nhưng ông vẫn còn chưa biết tập khí hư vọng từ vô thi đã sanh ra và tích chứa ở trong căn. Ông sẽ tu

hành không chỉ trừ các tập khí này, mà cũng phải đoạn vô số tập khí vi tế của chúng khi trải qua sanh trụ dị diệt.

Bây giờ ông hãy quán sát sáu căn hiện tiền là một hay sáu.

Này Khánh Hỷ! Nếu bảo là một thì tại sao tai không thể thấy và mắt chẳng thể nghe? Tại sao đầu chẳng thể đi và chân không thể nói? Nếu sáu căn này nhất định là sáu, thì như bây giờ Ta đang tuyên dương Pháp môn vi diệu ở giữa chúng hội, căn nào ở trong sáu căn của ông đến lãnh thọ?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"Dạ thưa, con dùng tai để nghe."

Đức Phật bảo:

"Nếu tai của ông tự có thể nghe thì nó liên quan gì đến thân và miệng của ông chứ? Thế nhưng, ông dùng miệng để hỏi nghĩa lý và ông dùng thân để bày tỏ khâm tuân phụng thờ. Cho nên phải biết rằng, nếu chúng không phải là một thì là sáu. Và nếu chúng không phải là sáu thì phải là một. Nhưng cũng không thể nói rằng chúng vốn là một mà cũng là sáu.

Này Khánh Hỷ! Phải biết rằng, các căn này chẳng phải một hay sáu. Do ông điên đảo luân phiên từ vô thủy cho đến nay, nên mới sanh ra ý tưởng một và sáu ở trong viên minh trạm nhiên. Tuy ông đã tiêu trừ được sáu ở Quả Nhập Lưu, nhưng vẫn còn chưa tan mất được một.

Ví như có người muốn chứa một ít hư không ở trong những thùng đựng. Do những thùng đựng có hình dáng khác nhau nên hư không ở trong đó cũng có hình dáng sai khác. Nếu bỏ đi thùng đựng rồi nhìn hư không ở trong nó, ông sẽ bảo rằng hư không là một. Thế nhưng làm sao hư không bao la kia trở nên hợp nhất hoặc phân ly là do bởi ông chứ? Hà huống còn gọi hư không là một hay chẳng phải một. Cho nên ông phải hiểu rõ rằng, sáu căn thọ dụng thì cũng lại như vậy.

Do bởi hai loại--sáng với tối--cùng hiện ra ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh thấy tinh nguyên. Tiếp đến tánh thấy tinh nguyên hiển lộ hình sắc, rồi kết giao với hình sắc mà thành căn mắt. Căn mắt tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của mắt. Con mắt có hình dáng như trái nho và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn mắt chạy loạn ra ngoài để tìm hình sắc.

Do bởi hai loại--động với tĩnh--cùng xung đột lẫn nhau ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh nghe tinh nguyên. Tiếp đến tánh nghe tinh nguyên hiển lộ âm thanh, rồi cuốn hút với âm thanh mà thành căn tai. Căn tai tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của tai. Lỗ tai có hình dáng như chiếc lá tươi cuộn lại và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn tai chạy loạn ra ngoài để tìm âm thanh.

Do bởi hai loại--khai thông với bế tắc--cùng phát khởi ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh ngửi tinh nguyên. Tiếp đến tánh ngửi tinh nguyên hiển lộ mùi hương, rồi thu

nap mùi hương mà thành căn mũi. Căn mũi tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của mũi. Lỗ mũi có hình dáng như đôi móng rữ xuống và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn mũi chạy loạn ra ngoài để tìm mùi hương.

Do bởi hai loại--có vị với vô vị--cùng tham dự ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh nếm tinh nguyên. Tiếp đến tánh nếm tinh nguyên hiển lộ vị nếm, rồi siết quẩn vị nếm mà thành căn lưỡi. Căn lưỡi tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của lưỡi. Cái lưỡi có hình dáng như trắng lưỡi liềm và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn lưỡi chạy loạn ra ngoài để tìm vị nếm.

Do bởi hai loại--kết hợp với phân ly--cùng ma sát ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh xúc tinh nguyên. Tiếp đến tánh xúc tinh nguyên hiển lộ xúc chạm, rồi bắt lấy xúc chạm mà thành căn thân. Căn thân tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của thân. Thân thể có hình dáng như cái trống thắt hẹp ở giữa và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn thân chạy loạn ra ngoài để tìm xúc chạm.

Do bởi hai loại--sanh với diệt--cùng tương tục ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh tri tinh nguyên. Tiếp đến tánh tri tinh nguyên hiển lộ pháp trần, rồi nhìn ngẫm pháp trần mà thành căn ý. Căn ý tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là ý tư. Căn ý được ví như sự nhìn thấy bốn đại thô nhiễm ở trong căn phòng tối. Căn ý chạy loạn ra ngoài để tìm pháp trần.

Này Khánh Hỷ! Khi sự hiểu biết được thêm vào bốn giác minh liễu, sáu căn như thế sanh ra từ đó. Kết quả là minh liễu tinh nguyên bị đánh mất và các căn vướng mắc hư vọng mà phát triển những chức năng. Cho nên nếu ông bây giờ lìa khỏi sáng và tối thì sẽ không có thể chất của thấy. Lìa khỏi động và tĩnh thì vốn chẳng có thể chất của nghe. Không có khai thông và bế tắc thì tánh ngữi chẳng sanh. Không có vị và vô vị thì cảm giác nếm vị sẽ chẳng có chỗ để sanh ra. Chẳng có kết hợp và phân ly thì cảm giác xúc chạm vốn không. Chẳng có sanh và diệt thì tri giác sẽ an nghỉ.

Ông chỉ cần không hướng theo 12 tướng hữu vi, gồm có sáng với tối, động với tĩnh, khai thông với bế tắc, có vị với vô vị, kết hợp với phân ly, và sanh với diệt. Kế đến tập trung vào một căn và kéo nó ra khỏi trần cảnh, rồi chuyển dẫn căn đó hướng vào trong. Như vậy nó sẽ có thể quay về chân nguyên và phát huy ánh sáng rực rỡ của bốn giác. Ánh sáng rực rỡ này sẽ chiếu soi năm căn còn lại cho đến khi chúng hoàn toàn giải thoát. Một khi sáu căn thoát khỏi trần cảnh mà chúng hấp thu, sự hiểu biết sẽ không theo các căn. Do đó sự hiểu biết sẽ phát huy ở tất cả sáu căn và chúng sẽ hỗ tương hoạt động.

Này Khánh Hỷ! Ông há chẳng biết nay ở trong chúng hội, Bhikṣu Vô Diệt tuy bị mù nhưng vẫn có thể thấy. Hiền Hỷ Long Vương tuy bị điếc nhưng vẫn có thể nghe. Thần nữ của sông Hằng chẳng có mũi nhưng vẫn có thể ngửi mùi. Lưỡi của Bhikṣu Ngư Tướng bị dị tật nhưng vẫn có thể biết vị. Thần hư không tuy chẳng có thân nhưng vẫn cảm giác xúc chạm và tạm hiện ra ở trong ánh hào quang của Như Lai. Tuy nhiên, thể của ông ta vốn rỗng không và vô hình như gió. Các vị Thanh



Văn chúng đặc diệt tận định, như là Bhikṣu Đại Âm Quang ở trong Pháp hội này, từ lâu đã diệt căn ý nhưng vẫn viên minh liễu tri mà chẳng nhờ tâm niệm.

Này Khánh Hỷ! Giả sử bây giờ tất cả căn của ông đã nhổ ra khỏi trần cảnh, một ánh sáng trong suốt sẽ chiếu soi từ bên trong. Tiếp đến những trần cảnh thô nhiễm và tướng của pháp thế gian sẽ biến hóa, ví như băng tan trong nước nóng. Ứng theo tâm niệm của ông, chúng sẽ hóa thành tri giác vô thượng.

Này Khánh Hỷ! Ví như có người ở thế gian chỉ nhìn thấy với con mắt của họ, nếu người ấy mau chóng nhắm mắt lại thì cảnh tượng đen tối sẽ hiện ra ngay. Sáu căn của người ấy sẽ bao trùm trong tối tăm. Mắt của người ấy sẽ không thể phân biệt nào là đầu hoặc chân ở trên thân người khác. Tuy nhiên vẫn có thể nếu người ấy dùng tay mò mẫm hình dáng ở ngoài. Mặc dù người ấy chẳng thấy, nhưng tri giác nhận biết về đầu hoặc chân thì giống nhau.

Nếu thị giác của người ấy nương nhờ ánh sáng, tức sẽ không thấy khi chìm vào đen tối. Mặc dù chẳng có ánh sáng nhưng người ấy vẫn có thể cảm nhận. Vì vậy mọi tướng đen tối đều vĩnh viễn không thể cản ngăn. Cũng vậy, một khi các căn và các trần đã tiêu trừ, làm sao giác minh của ông mà không trở thành viên mãn vi diệu cho được?"

---

Ngài Khánh Hỷ bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy rằng, khi phát khởi Đạo tâm muốn cầu thường trụ ở Nhân Địa thì tất phải tương ứng với Quả Địa.

Bạch Thế Tôn! Ở trong Quả Địa có những tên gọi khác nhau, như là Giác Đạo, Tịch Diệt, Chân Như, Phật Tánh, Vô Cấu Thức, Không của Như Lai Tạng, và Đại Viên Kính Trí. Danh xưng của bảy loại tên này tuy có khác nhưng đồng một nghĩa là thanh tịnh viên mãn, thể tánh kiên cố như kim cương vương và thường trụ bất hoại.

Nếu một khi thấy, nghe, và những giác quan khác tách rời sáng với tối, động với tĩnh, khai thông với bế tắc, có vị với vô vị, kết hợp với phân ly, và sanh với diệt, thì chúng cứu cánh chẳng có tự thể. Đây ví như ý niệm mà lìa khỏi pháp trần thì nó vốn không chỗ có. Làm sao có thể mang các thức sẽ đoạn diệt này làm nhân để tu hành và muốn đạt đến quả vị thường trụ của Như Lai với bảy tên gọi chứ?

Bạch Thế Tôn! Nếu tách rời sáng và tối thì cứu cánh sẽ không thấy gì. Cũng vậy, nếu như chẳng có pháp trần thì tự tánh của ý niệm sẽ diệt mất. Con đã tìm đi tìm lại rất tỉ mỉ, nhưng vốn chẳng có cái gì gọi là tâm và vật của nó. Thế thì con phải lập nhân gì để cầu vô thượng giác?

Những gì Như Lai vừa nói trái nghịch với lời dạy ở trước về thường trụ trạm nhiên viên mãn và cuối cùng nó trở thành hí luận. Làm sao những lời nói đó bởi Như Lai có thể là chân thật chứ? Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại từ mà khai thị cho sự u mê và chấp trước của con."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Tuy ông đa văn học rộng nhưng các lậu vẫn chưa trừ sạch. Mặc dù trong tâm ông biết nguyên nhân của điên đảo, nhưng đến khi điên đảo thật sự hiện tiền thì ông đích thật chẳng thể nhận ra. Cho dù ông rất thành tâm nhưng ông vẫn chưa tín thọ giáo Pháp. Ta nay sẽ đưa ra những việc của trần thế để dứt trừ hoài nghi của ông."

Bấy giờ Như Lai bảo Bhikṣu Phú Chướng hãy gõ một tiếng chuông, rồi hỏi ngài Khánh Hỷ rằng:

"Ông bây giờ có nghe chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ nghe."

Khi tiếng chuông không còn vang nữa, Đức Phật lại hỏi rằng:

"Ông bây giờ có nghe chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ không."

Lúc ấy Tôn giả Phú Chướng lại gõ một tiếng chuông, và Đức Phật lại hỏi rằng:

"Ông bây giờ có nghe chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng lại thưa rằng:

"Dạ nghe."

Đức Phật hỏi ngài Khánh Hỷ:

"Làm sao ông có thể nghe rồi lại chẳng nghe?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa với Phật rằng:

"Chúng con nghe tiếng chuông khi nó mới được gõ vào, nhưng một hồi lâu sau khi chuông vang tan mất thì chúng con không còn nghe nữa."

Như Lai lại bảo Bhikṣu Phú Chướng hãy gõ một tiếng chuông, rồi hỏi ngài Khánh Hỷ rằng:

"Bây giờ có âm thanh chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ có âm thanh."

Một lát sau khi âm thanh phai mất, Đức Phật lại hỏi rằng:

"Và bây giờ có âm thanh chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đáp rằng:

"Dạ không có âm thanh."

Một lát sau Tôn giả Phú Chương lại gõ một tiếng chuông, và Đức Phật lại hỏi rằng:

"Và bây giờ có âm thanh chằng?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ có âm thanh."

Đức Phật hỏi ngài Khánh Hỷ:

"Làm sao có âm thanh rồi lại chằng có âm thanh?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đều thưa với Phật rằng:

"Khi chuông mới được gõ vào thì có âm thanh, nhưng một hồi lâu sau khi chuông vang tan mất thì không còn âm thanh nữa."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ và các đại chúng rằng:

"Sao ông nay lại trả lời mơ hồ như vậy?"

Ngài Khánh Hỷ và đại chúng đồng thời hỏi Phật rằng:

"Dạ thưa con trả lời mơ hồ nghĩa là sao?"

Đức Phật bảo:

"Khi Ta hỏi rằng ông có nghe chẳng thì ông nói là có. Ta lại hỏi có âm thanh chẳng thì ông nói là có. Câu trả lời bất định của ông giữa nghe và âm thanh, thế thì làm sao chẳng gọi là mơ hồ cho được?"

Này Khánh Hỷ! Khi chuông vang phai mất thì ông nói là không còn nghe nữa. Nếu ông thật sự chẳng còn nghe nữa, tức là tánh nghe của ông đã diệt mất hoàn toàn. Vậy nghĩa là nó sẽ giống như cây khô và ông sẽ không bao giờ còn nhận biết tiếng chuông nào nữa. Tuy nhiên ông tự biết khi nào thì có và khi nào thì không, hoặc khi nào thì không và khi nào thì có về loại thanh trần này. Thế nhưng tánh nghe của ông làm sao đã có rồi lại không? Giả sử tánh nghe chẳng còn nữa thì ai sẽ biết âm thanh đã phai mất.

Cho nên, Khánh Hỷ! Mặc dù thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, nhưng tánh nghe của ông chẳng phải do thanh trần có sanh hay diệt mà khiến nó phải sanh hay diệt.

Ông vẫn còn điên đảo và nhầm lẫn âm thanh là tánh nghe. Sao lại hôn mê mà cho rằng cái thường hằng là đoạn diệt chứ? Ông vĩnh viễn chớ nên bảo rằng, tánh nghe lệ thuộc vào tiếng động và yên tĩnh, hoặc lệ thuộc vào lỗ tai khai thông hay bế tắc.

Ví như có người ngủ say ở trên giường. Giữa lúc kẻ kia đang say ngủ thì có người trong gia đình giặt giũ hay giã gạo. Anh ta ở trong mơ nghe tiếng giã gạo hoặc tiếng giặt giũ mà nhầm cho là tiếng trống đánh hoặc là tiếng chuông gõ. Liền ở trong mơ, anh ta lấy làm lạ là tại

sao tiếng chuông lại như âm thanh phát ra từ gỗ hay đá. Khi hốt nhiên tỉnh giấc, anh ta lập tức nhận biết âm thanh của tiếng đập giã.

Anh ta nói với người nhà rằng:

'Giữa lúc đang mơ, tôi nhầm lẫn tiếng đập giã là tiếng trống.'

Này Khánh Hỷ! Làm sao người ấy ở trong mơ mà có thể ghi nhớ tiếng động hay yên tĩnh? Làm sao tai của người ấy không bị ngăn ngại và vẫn hoạt động? Mặc dù thân thể của người ấy đã ngủ say nhưng tánh nghe chẳng hôn mê. Cho dù thân thể của ông tan rã và mạng sống tiêu tan, nhưng tánh nghe này của ông làm sao lại có thể bị chúng diệt mất chứ?

Tuy nhiên từ vô thủy cho đến nay, do các chúng sanh chạy theo hình sắc và âm thanh nên niệm niệm lưu chuyển và chưa từng khai ngộ tánh thanh tịnh vi diệu thường hằng. Họ chẳng theo chân thường mà lại chạy theo những sự sanh diệt. Do đó từ đời này sang đời khác, họ bị nhiễm ô và phải lưu chuyển. Nhưng nếu họ từ bỏ sanh diệt và giữ lấy chân thường thì ánh sáng thường hằng sẽ hiện tiền. Căn, trần, và thức tâm sẽ ứng thời tiêu tan.

Tưởng tượng là trần và thức tình là cấu nhiễm. Nếu lìa xa cả hai, Pháp nhãn của ông sẽ ứng thời trong sáng. Như thế làm sao mà không thành tựu vô thượng tri giác cho được?"

# Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Hết quyển 4

---

Dịch từ Phạn văn: Pháp sư Cục Lượng ở Thế Kỷ 7-8

Dịch sang Tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận

Dịch nghĩa: 5/8/2016 ♦ Cập nhật: 31/8/2016

✿ Cách Đọc Chữ Phạn

---

Bhikṣu: bíc su

Mātāṅga: ma tân gà

Bhikṣuṇī: bíc su ni